

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2020

“V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Sơn và ông Hoàng Công Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn Trung T, xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Cao Lê A, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Trung T, xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình.
(Anh Cao Lê A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2020, bản tự khai và tại phiên tòa thì nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mai H trình bày: Chị và anh Cao Lê A lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình ngày 24/11/2010 (Nay là xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà ngoại tại xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, chồng không lo làm ăn và không chăm lo cho gia đình. Ngoài ra chồng sa vào các tệ nạn xã hội, mặc dù đã được chị và gia đình khuyên răn nhiều nhưng không thay đổi. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Cao Lê A có 01 con chung là Cao Thị Phương V, sinh ngày 31/08/2011. Hiện nay đang ở với chị. Sau ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung vì chị có đủ khả năng và điều kiện.

Về tài sản chung: Không có. Hiện tại vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05/8/2020 anh Cao Lê A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Mai H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình ông bà ngoại tại xã Quảng T, thị xã Ba Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ không đến mức chị H phải làm đơn ly hôn. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh A không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Cao Lê A trình bày anh và chị có 01 con chung là Cao Thị Phương V, sinh ngày 31/08/2011. Hiện nay đang ở với chị H và ông bà ngoại.

Về tài sản chung: Không có.

Anh Cao Lê A có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Cao Lê A đều có hộ khẩu thường trú tại xã Quảng T, thị xã Ba Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đ; Bị đơn anh Cao Lê A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Cao Lê A yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/11/2010 tại UBND xã Quảng T, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng về sống với bố mẹ đẻ của chị H ở xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau không ai quan tâm đến ai, vợ chồng sống ly thân đã mấy năm. Nay chị H làm đơn ly hôn, mặc dù anh A không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không thể hiện có sự níu kéo nào, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Cao Lê A có 01 con chung là Cao Thị Phương V, sinh ngày 31/08/2011. Hiện nay đang ở với chị H và ông bà ngoại. Sau ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu V cũng có nguyện vọng được ở với chị. Xét thấy, hiện nay con chung đang còn nhỏ, nguyện vọng của chị H là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy cần giao con chung cho chị H

tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Anh A không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị H có đủ khả năng và điều kiện.

[4] Về tài sản chung: Anh Cao Lê A và chị Nguyễn Thị Mai H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh Cao Lê A.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với anh Cao Lê A.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Cao Thị Phương V, sinh ngày 31/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Mai H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh Cao Lê A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai H nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006991 ngày 17 tháng 4 năm 2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Mai H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Cao Lê A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi anh A thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Q Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Trung;
- Lưu VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương